

Bản án số: 119/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23-5-2024

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia
đình: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Tý và bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa:**
Bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, số điện thoại: 0966.352.157

- Bị đơn: Chị Phạm Thị Huyền E, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh An Giang; số điện thoại: 0876.955.147.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Anh và chị Huyền E chung sống với nhau năm nào không nhớ rõ nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp mặc dù đã tìm nhiều biện pháp hàn gắn nhưng không được. Đến năm 2021, thì chị Huyền E bỏ đi không liên lạc được, từ đó đến nay hai bên cũng không có thiện chí hàn gắn. Nay nhận thấy không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống nên anh S yêu cầu ly hôn chị Huyền E.

Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 02/5/2013, từ khi chị Huyền E bỏ đi đến nay cháu Kim T sống chung với anh nên khi ly hôn anh yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị Huyền E cấp dưỡng.

- Về quan hệ tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do nên việc hòa giải không tiến hành được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự nhưng bị đơn tiếp tục vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

Tại phiên tòa: Anh Nguyễn Thanh S vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị Phạm Thị Huyền E; theo nguyện vọng của con, anh đồng ý giao cháu Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 02/5/2013 cho chị Phạm Thị Huyền E tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho anh S ly hôn với chị Em; giao cháu Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 02/5/2013 cho chị Em tiếp tục nuôi dưỡng; đương sự không yêu cầu về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung nên không xem xét. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Thanh S khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Phạm Thị Huyền E và yêu cầu giải quyết về con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện T, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về tố tụng:* Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] *Xét việc tranh chấp:*

Anh **S** và chị Em tự nguyện chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống cả hai phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, mặc dù đã tìm nhiều biện pháp khắc phục nhưng vẫn không thể hòa hợp. Do đó, khoảng năm 2021 thì cả hai quyết định sống ly thân đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải đã hai bên hàn gắn nhưng chị Em đều vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản bác yêu cầu ly hôn của anh **S** cho thấy mâu thuẫn của cả hai đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tuy nhiên, do anh **S** và chị Em chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Do đó, hôn nhân giữa anh **S** và chị Em không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nên anh **S** yêu cầu ly hôn với chị Em không được chấp nhận mà cần không công nhận anh **S** và chị Em là vợ chồng.

[4] *Về con chung:* Theo anh **S**, anh và chị Em có 01 con chung tên **Nguyễn Thị Kim T**, sinh ngày 02/5/2013, hiện đang sống với anh và tại đơn khởi kiện anh yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu **T** qua đó thể hiện nguyện vọng của cháu là muốn sống với mẹ nếu cha mẹ ly hôn. Tại phiên tòa, anh **S** cũng đồng ý giao con chung cho chị Em nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Do đó, căn cứ vào nguyện vọng của con và để đảm bảo cho con chung được ổn định về cuộc sống nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu **Nguyễn Thị Kim T** cho chị **Phạm Thị Huyền E** nuôi dưỡng. Do đương sự không có yêu cầu về cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về tài sản chung:* Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[6] *Về nợ chung:* Anh **S** trình bày không có nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[7] *Về án phí:* Anh **Nguyễn Thanh S** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị **Phạm Thị Huyền E** không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14, 15, 51, 53, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận anh Nguyễn Thanh S và chị Phạm Thị Huyền E là vợ chồng.

2. *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 02/5/2013 cho chị Phạm Thị Huyền E trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Thanh S không cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về án phí:* Anh Nguyễn Thanh S phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013555 ngày 16 tháng 01 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, anh Nguyễn Thanh S không phải nộp thêm. Chị Phạm Thị Huyền E không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

4. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mỹ Linh